

# THỰC TRẠNG QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG CHO HỌC SINH Ở CÁC TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ HUYỆN THẠNH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG

Lê Văn Chin<sup>1</sup> và Trương Thị Bích Tuyền<sup>2\*</sup>

<sup>1</sup>Sở Giáo dục và Đào tạo Bến Tre, Việt Nam

<sup>2</sup>Học viên cao học, Trường Đại học Đồng Tháp, Việt Nam

\*Tác giả liên hệ: Trương Thị Bích Tuyền, Email: [truongtuyen90@gmail.com](mailto:truongtuyen90@gmail.com)

## Lịch sử bài báo

Ngày nhận: 11/11/2024; Ngày nhận chỉnh sửa: 21/11/2024; Ngày duyệt đăng: 09/12/2024

## Tóm tắt

Bài viết đánh giá thực trạng quản lý hoạt động giáo dục địa phương cho học sinh ở các trường trung học cơ sở, từ việc khảo sát 70 khách thể trong đó có 10 cán bộ quản lý, 60 giáo viên ở 05 trường trung học cơ sở huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng. Kết quả khảo sát được chúng tôi xử lý số liệu theo thang đo 4 mức độ và tính tỷ lệ phần trăm để phân tích và đánh giá thực trạng. Kết quả nghiên cứu cho thấy còn nhiều vấn đề bất cập trong công tác quản lý hoạt động giáo dục địa phương cho học sinh ở các trường trung học cơ sở huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng. Đây là cơ sở cho việc đề xuất các biện pháp quản lý hoạt động giáo dục địa phương cho học sinh ở các trường trung học cơ sở trong huyện.

**Từ khóa:** Hoạt động giáo dục địa phương, học sinh, trung học cơ sở.

## CURRENT SITUATION OF MANAGING LOCAL EDUCATION ACTIVITIES FOR STUDENT IN SECONDARY SCHOOLS IN THANH TRI DISTRICT, SOC TRANG PROVINCE

Le Van Chin<sup>1</sup> and Truong Thi Bich Tuyen<sup>2\*</sup>

<sup>1</sup>Department of Education and Training of Ben Tre Province, Vietnam

<sup>2</sup>Postgraduate, Dong Thap University, Cao Lanh 870000, Vietnam

\*Correcsponding author: Truong Thi Bich Tuyen, Email: [truongtuyen90@gmail.com](mailto:truongtuyen90@gmail.com)

Received: 11/11/2024; Received in revised form: 21/11/2024; Accepted: 09/12/2024

## Abstract

The article evaluates the current local educational management for students in middle schools. A survey was conducted among 70 subjects, including 10 administrators and 60 teachers in 5 middle schools. Thanh Tri district office, Soc Trang province. We processed the survey results on a 4-level scale and calculated percentages. Research results show many inadequacies in the management of local educational activities for students in secondary schools in this area. Thus, the results provide the basis for proposing measures to manage local educational activities for students in secondary schools in the district.

**Keywords:** Local educational activities, secondary school, student.

DOI: <https://doi.org/10.52714/dthu.13.03S.2024.1405>

Trích dẫn: Lê, V. C., & Trương, T. B. T. (2024). Thực trạng quản lý hoạt động giáo dục địa phương cho học sinh ở các trường trung học cơ sở huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, 13(03S), 67-74. <https://doi.org/10.52714/dthu.13.03S.2024.1405>.

Copyright © 2024 The author(s). This work is licensed under a CC BY-NC 4.0 License.

## 1. Đặt vấn đề

Huyện Thanh Trì nằm ở phía Tây Nam của tỉnh Sóc Trăng; phía Đông giáp huyện Mỹ Xuyên; phía Tây giáp thị xã Ngã Năm; phía Nam giáp huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu và phía Bắc giáp huyện Mỹ Tú. Huyện Thanh Trì có diện tích 287,18 km<sup>2</sup> (năm 2019), được chia thành có 2 thị trấn, bao gồm: thị trấn Phú Lộc, thị trấn Hưng Lợi và 8 xã, bao gồm: Thanh Trì, Thanh Tân, Tuân Tức, Vĩnh Thành, Vĩnh Lợi, Lâm Tân, Lâm Kiết và Châu Hưng, với dân số là 73.596 người, mật độ dân số bình quân 256,28 người/km<sup>2</sup>. Địa hình Thanh Trì bằng phẳng, bị chia cắt nhiều bởi hệ thống kênh, rạch, nên kinh tế ở đây sản xuất nông nghiệp là chính, chủ yếu là trồng lúa, màu, chăn nuôi và thủy sản nước ngọt. Ngành giáo dục và đào tạo tỉnh Sóc Trăng nói chung và huyện Thanh Trì nói riêng, những năm gần đây đã có nhiều chuyển biến tích cực và đạt được một số thành tựu nhất định. Hệ thống trường, lớp tiếp tục được đầu tư xây dựng, đáp ứng yêu cầu học tập của học sinh (HS) và triển khai có hiệu quả chương trình giáo dục mới.

Trong bối cảnh đổi mới giáo dục theo hướng hội nhập quốc tế hiện nay, việc giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc, giáo dục những giá trị sống tốt đẹp của quê hương, đất nước cho thế hệ trẻ luôn được quan tâm. Nghị quyết 29-NQ/TW năm 2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đã đề cập: Đổi mới mạnh mẽ và đồng bộ mục tiêu, chương trình, nội dung, phương pháp, hình thức giáo dục, đào tạo theo hướng coi trọng phát triển năng lực và phẩm chất của người học (Ban Chấp hành Trung ương, 2013). Theo đó, việc coi trọng và đổi mới nội dung giảng dạy về lịch sử văn hoá địa phương, chú trọng hình thức trải nghiệm đã tạo nên sự thay đổi tích cực về môi trường học tập, hứng thú trong HS. Vấn đề giáo dục địa phương (GDĐP) và quản lý hoạt động GDĐP cũng đã được nhiều nhà nghiên cứu trong và ngoài nước quan tâm, có thể kể đến các công trình gần đây như: Bruce & cs. (2003), Noor và Sugito (2019), Hoàng (2016), Huỳnh (2019), Nguyễn (2023a), Nguyễn (2023b). Đối với cấp trung học cơ sở (THCS), nội dung GDĐP là những vấn đề cơ bản hoặc thời sự về văn hoá, lịch sử, địa lí, kinh tế, xã hội, môi trường, hướng nghiệp,... nhằm trang bị cho HS những hiểu biết về nơi sinh sống, bồi dưỡng cho HS tình yêu quê hương, ý thức tìm hiểu và vận dụng những điều đã học để góp phần giải quyết những vấn đề của quê hương (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2019). Theo đó, căn cứ vào đặc điểm của từng địa phương mà xây dựng nội dung tài liệu thể hiện đúng và đầy đủ các vấn đề về văn hoá, lịch sử truyền thống địa phương; các vấn đề về địa lí, kinh tế, hướng nghiệp của địa phương; các thành tựu khoa học liên quan đến nội dung GDĐP phải được cập nhật và phù hợp với mục tiêu của chương trình giáo dục phổ thông (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2020).

Tuy nhiên, trong quản lý vẫn còn một số bất cập nhất định, nhất là quản lý hoạt động GDĐP cho HS ở các trường THCS trong huyện. Nội dung này cần được phân tích, đánh giá cụ thể dựa trên các lý luận về quản lý hoạt động GDĐP ở trường THCS. Từ đó chỉ ra những bất cập, hạn chế, giúp cho hiệu trưởng các trường có biện pháp quản lý phù hợp.

## 2. Nội dung

### 2.1. Phương pháp nghiên cứu

Khảo sát nhằm đánh giá thực trạng quản lý hoạt động GDĐP cho HS ở các trường THCS huyện Thanh Trì, tỉnh Sóc Trăng. Để thực hiện nghiên cứu này, chúng tôi đã vận dụng các phương pháp điều tra bằng phiếu hỏi và phương pháp phỏng vấn sâu; với 70 khách thể được khảo sát, cụ thể gồm 10 cán bộ quản lý (CBQL), 60 giáo viên (GV). Bên cạnh đó, vận dụng phương pháp phỏng vấn sâu 10 khách thể gồm 05 CBQL; 05 GV được mã hóa CBQL1 đến CBQL5; GV1 đến GV5 nhằm thu thập những thông tin định tính từ những CBQL, GV có kinh nghiệm, uy tín trong quản lý và GV từ 05 trường THCS ở huyện Thanh Trì, tỉnh Sóc Trăng gồm: (1) Trường THCS Phú Lộc, (2) Trường THCS Vĩnh Lợi, (3) Trường THCS Vĩnh Thành, (4) Trường THCS Thanh Trì, (5) Trường THCS Lâm Kiết.

- Địa bàn, thời gian khảo sát: Khảo sát thực trạng GDĐP và công tác quản lý hoạt động GDĐP cho HS các trường THCS ở huyện Thanh Trì, tỉnh Sóc Trăng; thời gian khảo sát năm học 2023-2024.

- Các số liệu thu thập được xử lý như sau: Tính tỉ lệ % các phương án lựa chọn (Số người lựa chọn phương án/Tổng số người tham gia khảo sát) \* 100%.

Sử dụng thang đo Likert 4 mức độ: Thấp nhất là 1, cao nhất là 4. Giá trị khoảng cách được tính theo công thức  $[(\max - \min) : 4] = [(4 - 1) : 4] = 0,75$ . Theo đó, quy ước đánh giá các mức độ của từng yếu tố dựa vào giá trị điểm trung bình như sau:

Mức 1:  $1,00 \leq \text{ĐTB} \leq 1,75$ ; Mức 2:  $1,76 \leq \text{ĐTB} \leq 2,50$ ; Mức 3:  $2,51 \leq \text{ĐTB} \leq 3,25$ ; Mức 4:  $3,26 \leq \text{ĐTB} \leq 4,00$ .

Điểm trung bình (ĐTB) được tính như sau:  $(\text{Tổng số người chọn rất cần thiết} * 4 + \text{Tổng số người chọn cần thiết} * 3 + \text{Tổng số người chọn ít cần thiết} * 2 + \text{Tổng số người chọn không cần thiết} * 1) / \text{Tổng số người tham gia khảo sát (N)}$ .

## 2.2. Thực trạng quản lý hoạt động giáo dục địa phương cho học sinh các trường trung học cơ sở huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng

2.2.1. *Thực trạng nhận thức về tầm quan trọng quản lý hoạt động giáo dục địa phương cho học sinh ở các trường trung học cơ sở huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng*

**Bảng 1. Nhận thức về tầm quan trọng của quản lý hoạt động giáo dục địa phương**

	Rất quan trọng		Quan trọng		Ít quan trọng		Không quan trọng		
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
Tầm quan trọng của quản lý hoạt động GDĐP	70	14	20,00	17	24,29	20	28,57	19	27,14

Qua kết quả khảo sát ở Bảng 1, cho thấy tầm quan trọng của công tác quản lý hoạt động GDĐP cho HS là ít hoặc không quan trọng, cụ thể: có 20% CBQL, GV được khảo sát cho biết tầm quan trọng của quản lý hoạt động GDĐP là rất quan trọng; 24,29% cho là quan trọng; 28,57% đánh giá là ít quan trọng và có 27,14% được khảo sát là không quan trọng.

Bên cạnh số liệu thu thập được từ phiếu khảo sát, chúng tôi đã phỏng vấn trực tiếp với một số CBQL và GV có kinh nghiệm trong công tác quản lý, dạy học GDĐP. Có nhiều ý kiến lý giải tại sao CBQL, GV lại đánh giá là ít hoặc không quan trọng, cụ thể: CBQL1 cho rằng “do muốn nâng cao chất lượng giáo dục nên đa số những biện pháp giáo dục được đưa ra tại các trường là nâng cao thành tích các môn văn hoá, mà chưa có sự quan tâm, đầu tư đối với hoạt động GDĐP”. GV1, GV2 cho rằng “hoạt động GDĐP cần có sự chủ động chuẩn bị và phối hợp để thực hiện, lượng thời gian thực hiện sẽ nhiều hơn dạy trên lớp nên sẽ ảnh hưởng đến các môn học khác”.

Điều này chứng tỏ, trong công tác quản lý hoạt động GDĐP ở các trường chưa xem là quan trọng. Vẫn còn một số CBQL và GV còn xem nhẹ vai trò quản lý hoạt động GDĐP cho HS. Thực tế này, cần có biện pháp nâng cao nhận thức cho các đối tượng.

2.2.2. *Thực trạng xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục địa phương cho học sinh các trường trung học cơ sở huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng*

**Bảng 2. Thực trạng xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục địa phương**

	Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt		ĐTB
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
Xác định mục tiêu	45	64,29	15	21,43	10	14,29	0	0	3,50
Phân tích được thực trạng	13	18,57	14	20	13	18,57	30	42,86	2,14
Nguồn lực tài chính	30	42,86	12	17,14	10	14,29	18	25,71	2,77

	Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt		ĐTB
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
Nguồn nhân lực	15	21,43	15	21,43	13	18,57	27	38,57	2,26
Xây dựng kế hoạch theo chủ điểm	35	50,00	10	14,29	7	10,00	18	25,71	2,89
Xây dựng kế hoạch theo thời gian cụ thể	25	35,71	17	24,29	10	14,29	18	25,71	2,70

Kết quả khảo sát Bảng 2 cho thấy thực trạng xây dựng kế hoạch hoạt động GDĐP cho HS các trường THCS huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng:

*Thứ nhất*, nội dung “Xác định mục tiêu” được đánh giá cao nhất với 45 phiếu (64,29%) được đánh giá mức độ tốt, với ĐTB cao nhất là 3,50.

*Thứ hai*, nội dung “Phân tích được thực trạng” có 42,86% CBQL và GV được khảo sát cho biết nội dung này là chưa đạt khi xây dựng kế hoạch hoạt động GDĐP, nội dung này có ĐTB thấp nhất là 2,14 ở mức độ đạt.

Qua nội dung phỏng vấn CBQL2 và CBQL3 cho biết: việc xác định mục tiêu tổ chức hoạt động GDĐP cho HS trong lập kế hoạch là một nội dung quan trọng, có ý nghĩa rất lớn đến việc triển khai tổ chức thực hiện các nội dung trong GDĐP của HS. GV3 nhận định: “Số ít các em HS khi được giáo dục về truyền thống, điều kiện của địa phương thì còn thờ ơ, không chịu khó tìm tòi, khám phá thêm, vì các em nhận định việc tham gia các hoạt động này không giúp ích cho việc định hướng nghề nghiệp ở tương lai”.

Như vậy, qua khảo sát cho thấy việc xây dựng kế hoạch quản lý hoạt động GDĐP của các trường THCS trên địa bàn huyện Thạnh Trị chưa thật đồng đều ở tất cả các chỉ báo. Hiệu trưởng các trường cần thực hiện tốt việc phân tích thực trạng tình hình và việc xác định các nguồn lực.

### 2.2.3. Thực trạng tổ chức hoạt động giáo dục địa phương cho học sinh các trường trung học cơ sở huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng

**Bảng 3. Thực trạng tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động giáo dục địa phương**

Nội dung	Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt		ĐTB
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
Thành lập ban chỉ đạo hoạt động GDĐP	37	52,86	15	21,43	8	11,43	10	14,29	3,13
Công tác phối hợp giữa trường với các đoàn thể và các lực lượng ngoài nhà trường	14	20	15	21,43	12	17,14	29	41,43	2,2
Phân công công việc cụ thể cho các tổ chức, cá nhân	30	42,86	13	18,57	9	12,86	18	25,71	2,79
Trang bị cơ sở vật chất đầy đủ, cấp kinh phí phục vụ các hoạt động GDĐP	15	21,43	22	31,43	13	18,57	20	28,57	2,46
Sự quan tâm, động viên của lãnh đạo nhà trường	35	50	11	15,71	15	21,43	9	12,86	3,03

Nhìn chung, qua khảo sát trong việc tổ chức thực hiện hoạt động GDĐP cho HS ở các trường THCS, có thể thấy:

- Nội dung “Thành lập ban chỉ đạo hoạt động GDĐP” được đánh giá cao nhất với 37/70 phiếu đánh ở mức tốt, với ĐTB cao nhất là 3,13. Đây là điểm mạnh trong công tác tổ chức hoạt động GDĐP, cần được phát huy.

- Tuy nhiên, “Công tác phối hợp giữa trường với các đoàn thể và các lực lượng ngoài nhà trường” chưa được đánh giá cao, còn một số CBQL, GV đánh giá nội dung này ở mức chưa đạt với 29 phiếu chiếm 41,43%, có ĐTB thấp nhất là 2,2.

Trao đổi về thực trạng tổ chức hoạt động GDĐP tại các trường THCS trên địa bàn, CBQL4 chia sẻ: “Để đẩy mạnh tổ chức thực hiện hoạt động GDĐP của HS các trường THCS, Hiệu trưởng cần phải tăng cường công tác tham mưu với địa phương, phối hợp kịp thời với các tổ chức xã hội ngoài nhà trường và tranh thủ sự ủng hộ của họ trong việc thực hiện công tác tổ chức giáo dục nói chung và tổ chức GDĐP nói riêng để hoàn thành kế hoạch đề ra”.

2.2.4. *Thực trạng chỉ đạo hoạt động giáo dục địa phương cho học sinh các trường trung học cơ sở huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng*

**Bảng 4. Công tác chỉ đạo thực hiện kế hoạch hoạt động giáo dục địa phương**

Nội dung	Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt		ĐTB
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
Chỉ đạo thông qua Ban chỉ đạo hoạt động GDĐP	30	42,86	13	18,57	9	12,86	18	25,71	2,79
Chỉ đạo thông qua các tổ chuyên môn	16	22,86	22	31,43	13	18,57	19	27,14	2,5
Chỉ đạo GVCN, GVBM xây dựng kế hoạch thực hiện chuyên đề theo thời gian cụ thể	14	20	15	21,43	12	17,14	29	41,43	2,2
Chỉ đạo xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động ngoại khóa theo chủ điểm	21	30	15	21,43	18	25,71	16	22,86	2,59
Chỉ đạo thông qua Ban thi đua	11	15,71	13	18,57	15	21,43	31	44,29	2,06
Chỉ đạo trực tiếp hoặc gián tiếp từ nhiều nguồn thông tin	9	12,86	11	15,71	10	14,29	40	57,14	1,84

Kết quả cho thấy, việc chỉ đạo hoạt động GDĐP ở các trường THCS huyện Thạnh Trị được đánh giá như sau:

- Nội dung “Chỉ đạo thông qua Ban chỉ đạo hoạt động GDĐP” được đánh giá cao nhất với 30 phiếu, chiếm tỷ lệ 42,86%, được đánh giá mức Khá với ĐTB là 2,79.

- Các nội dung “Chỉ đạo thông qua tổ chuyên môn”, “Chỉ đạo GVCN, GVBM xây dựng KH thực hiện chuyên đề theo thời gian cụ thể”, “Chỉ đạo thông qua Ban thi đua” có mức đánh giá chưa đạt với tỉ lệ khá cao. Ngoài ra, nội dung “Chỉ đạo trực tiếp hoặc gián tiếp từ nhiều nguồn thông tin” ở các trường chưa được đánh giá cao, chỉ đạt ở mức đạt, ĐTB đạt từ 1,84; tức là công tác chỉ đạo này ở các trường có thực hiện nhưng chưa đi sâu và thực sự đạt hiệu quả.

Trao đổi thêm để làm rõ nội dung này, CBQL 4 cho rằng: “Trường thuộc địa bàn xã vùng sâu, xa nên đôi khi việc cập nhật thông tin từ hệ thống online là chưa hiệu quả; điều này ảnh hưởng đến công tác quản lý, chỉ đạo của CBQL”. GV4 cho biết: “Trong quá trình thực hiện, lãnh đạo nhà trường thường xuyên nhắc nhở, khuyến khích GV tận dụng công nghệ thông tin trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. Tuy nhiên do nhiều yếu tố mà công tác này chưa đạt yêu cầu như mong muốn”.

2.2.5. *Thực trạng kiểm tra, đánh giá hoạt động giáo dục địa phương cho học sinh các trường trung học cơ sở huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng*

**Bảng 5. Thực trạng kiểm tra, đánh giá hoạt động giáo dục địa phương**

Nội dung	Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt		ĐTB
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
Xây dựng tiêu chí kiểm tra, đánh giá hoạt động GDĐP	10	14,29	22	31,43	13	18,57	15	21,43	2,1
Phê bình, nhắc nhở các GV chưa tích cực trong quá trình thực hiện	14	20	15	21,43	12	17,14	29	41,43	2,2
Theo dõi, giám sát, đánh giá thường xuyên quá trình tổ chức hoạt động của GV	30	42,86	13	18,57	9	12,86	18	25,71	2,79
Biểu dương, khen thưởng các GV trong quá trình thực hiện	15	21,43	16	22,86	10	14,29	29	41,43	2,24
Việc phối hợp giữa các lực lượng cùng kiểm tra, đánh giá	11	15,71	13	18,57	15	21,43	31	44,29	2,06
Sử dụng, bảo quản các điều kiện CSVC, thiết bị	5	7,14	14	20	21	30	30	42,86	1,91

Nhìn chung, qua khảo sát, có thể nhận thấy mức độ thực hiện các nội dung trong việc kiểm tra, đánh giá việc thực hiện hoạt động GDĐP cho HS ở các trường THCS huyện Thạnh Trị cụ thể như sau:

- Nội dung “Theo dõi, giám sát, đánh giá thường xuyên quá trình tổ chức hoạt động của GV” được đánh giá cao nhất với 30/70 phiếu chiếm tỉ lệ 42,86%, đồng thời được đánh giá với ĐTB cao nhất là 2,79 đạt mức Khá. Nội dung “Biểu dương hoặc phê bình, nhắc nhở các GV trong quá trình thực hiện” được đánh giá ở vị trí thứ 2 với 15 phiếu nhìn nhận ở mức tốt với ĐTB là 2,24. Có thể thấy, Hiệu trưởng đã có sự quan tâm đến hoạt động GDĐP. Điều này đã góp phần cho việc biểu dương, khen thưởng kịp thời, không chỉ trong quá trình thực hiện hoạt động mà còn sau khi hoạt động này kết thúc, nhất là trong khâu rút kinh nghiệm để tổ chức tốt hơn trong những năm học sau.

Chúng tôi cũng tiến hành phỏng vấn CBQL và GV thực hiện nội dung GDĐP để hiểu rõ vì sao kiểm tra, giám sát việc “Sử dụng, bảo quản các điều kiện CSVC, thiết bị” lại được đánh giá thấp nhất. CBQL5 cho biết: “Đối với thiết bị, CSVC trang bị cho hoạt động GDĐP là rất hạn chế. Trong nhiều năm, GV chỉ có thể in sách, tài liệu từ file điện tử để giảng dạy”. Theo GV5 chia sẻ: “Công tác kiểm tra, đánh giá hoạt động GDĐP cho HS là một khâu quan trọng. Qua đó, giúp cho cá nhân đánh giá ưu điểm, hạn chế kết quả thực hiện. Từ đó phát huy điểm mạnh và khắc phục hạn chế trong những năm tiếp theo, thúc đẩy phong trào thi đua trong nhà trường. Tuy nhiên, nội dung kiểm tra giám sát đôi khi chưa đồng bộ, toàn diện.”

### **2.3. Đánh giá chung về thực trạng quản lý hoạt động giáo dục địa phương cho học sinh ở các trường trung học cơ sở huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng**

#### *2.3.1. Mặt mạnh và nguyên nhân*

Đối với thực trạng công tác quản lý hoạt động GDĐP, đa số CBQL đều nhìn nhận đây là công tác có tầm quan trọng rất cao. Điều này thể hiện rõ trong các nội dung được đánh giá và kết quả khảo sát.

*Đầu tiên*, việc xây dựng kế hoạch hoạt động GDĐP, lãnh đạo các trường đều có các bước đảm bảo công tác này như xác định mục tiêu, xây dựng kế hoạch theo chủ điểm, xác định nguồn lực tài chính.

*Thứ hai*, công tác tổ chức thực hiện hoạt động GDĐP, lãnh đạo các trường đã chú trọng đến việc lập ban chỉ đạo hoạt động GDĐP và quan tâm động viên trong quá trình tổ chức thực hiện.

*Thứ ba*, công tác chỉ đạo hoạt động GDĐP, lãnh đạo các trường luôn quan tâm đến việc chỉ đạo tổ bộ môn, GVCN, GV bộ môn xây dựng kế hoạch theo chủ điểm hay thời gian cụ thể.

*Thứ tư*, công tác kiểm tra, đánh giá hoạt động GDĐP, lãnh đạo các trường đã chú trọng đến việc theo dõi, giám sát, đánh giá thường xuyên để kịp thời biểu dương, khen thưởng GV trong quá trình thực hiện.

Những mặt mạnh thể hiện sự quan tâm của các trường trong công tác chỉ đạo hoạt động này. Trong đó, có sự tham gia tích cực của GV giảng dạy và sự nỗ lực của HS.

### 2.3.2. Hạn chế và nguyên nhân

Bên cạnh các mặt mạnh đã đạt được, đối với công tác quản lý hoạt động này vẫn còn những hạn chế nhất định. Đó là, một bộ phận CBQL, GV chưa nhận định được tầm quan trọng. Điều này thể hiện ở một số chỉ báo được khảo sát còn bộc lộ nhiều bất cập:

*Thứ nhất*, công tác xây dựng kế hoạch, hiệu trưởng các trường chưa thực hiện tốt phần phân tích thực trạng chung của đơn vị mình. Thêm nữa còn chưa xác định rõ nguồn nhân lực sẽ tham gia hay có ảnh hưởng đến việc thực hiện kế hoạch của hoạt động GDĐP.

*Thứ hai*, đối với việc tổ chức thực hiện hoạt động GDĐP, lãnh đạo nhà trường chưa tổ chức được công tác phối hợp giữa nhà trường với các nguồn lực bên ngoài nhà trường. Điều này phần nào ảnh hưởng đến việc tổ chức các hình thức giáo dục bên ngoài nhà trường.

*Thứ ba*, đối với công tác chỉ đạo, lãnh đạo một số trường chưa thực sự ứng dụng được các hình thức chỉ đạo gián tiếp thông qua các phần mềm hay ứng dụng công nghệ thông tin.

*Thứ tư*, đối với công tác kiểm tra đánh giá, hiệu trưởng một số trường chưa kiểm tra sâu sát việc sử dụng các điều kiện CSVC, thiết bị phục vụ cho hoạt động GDĐP.

Ngoài ra, các trường đã xác định được các yếu tố chủ quan cũng như khách quan, tuy nhiên hướng khắc phục còn chưa được chỉ đạo, quan tâm và điều chỉnh một cách kịp thời.

Từ việc khảo sát, đưa ra mặt mạnh, mặt yếu cũng như hạn chế của hoạt động GDĐP cũng như quản lý hoạt động GDĐP, tác giả đưa ra một số nguyên nhân sau:

Một số CBQL, GV còn chủ quan, lơ là, chưa quan tâm đúng mức đến việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện hoạt động GDĐP cho HS.

Quy chế phối hợp giữa nhà trường với gia đình HS mang nặng tính hình thức, chưa chú trọng nhiều đến hiệu quả. Các lực lượng xã hội như Hội Cựu chiến binh, Hội khuyến học chưa chú trọng đến hoạt động GDĐP cho HS.

Một số CBQL, GV còn quá tập trung vào giáo dục văn hóa; vì vậy, nội dung GDĐP và công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện hoạt động GDĐP có lúc bị xem nhẹ, một số khác ngại thay đổi, thiếu sự đầu tư cho hoạt động này, nên hoạt động GDĐP có lúc chưa đạt hiệu quả cao.

### 3. Kết luận

Trên cơ sở thực trạng quản lý hoạt động GDĐP cho HS các trường THCS huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng, cho thấy nội dung quản lý hoạt động này ở các trường đã có những thành công nhất định, cần được phát huy. Song, một số chỉ báo còn đánh giá ở mức độ chưa đạt, cần được nghiên cứu có các biện pháp tăng cường quản lý.

Với phương pháp tiếp cận theo chức năng quản lý, các số liệu trong các bảng trình bày và phân tích dựa theo 4 chức năng cơ bản của hiệu trưởng là lập kế hoạch, tổ chức, chỉ đạo và kiểm tra, đánh giá các hoạt động GDĐP ở các trường THCS huyện Thanh Trì. Đặc biệt đã chỉ ra những mặt mạnh, mặt yếu và nguyên nhân của hoạt động này.

Để đáp ứng yêu cầu thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 và hội nhập trong lĩnh vực giáo dục hiện nay, hiệu trưởng các trường THCS trong huyện Thanh Trì cần nghiên cứu đề xuất các biện pháp có tính cần thiết và tính khả thi cao để khắc phục hạn chế và quản lý tốt hoạt động GDĐP cho HS các trường THCS huyện Thanh Trì, tỉnh Sóc Trăng trong thời gian tới.

### **Tài liệu tham khảo**

- Ban Chấp hành Trung ương. (2013). *Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XI “Về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”*.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2019). *Công văn số 1106/BGDĐT-GDTrH ngày 20/03/2019 về Biên soạn và tổ chức thực hiện nội dung giáo dục địa phương trong Chương trình Giáo dục phổ thông*.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2020). *Thông tư số 33/2020/TT-BGDĐT ngày 15/09/2020 quy định việc thẩm định tài liệu giáo dục địa phương*.
- Hoàng, T. T. (2016). Nâng cao chất lượng dạy học nội dung lịch sử địa phương ở các trường trung học cơ sở trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn. *Tạp chí Giáo dục, số 382, kỳ 2, tháng 5*.
- Huỳnh, M. T. (2019). Giáo dục lịch sử địa phương qua hoạt động trải nghiệm của các trường tiểu học tỉnh Kiên Giang. *Tạp chí Giáo dục, số đặc biệt, kỳ 2, tháng 5, 208-210*.
- Joyce, B., Weil, M., & Calhoun, E. (2003). Models of Teaching. *Centers for Teaching Excellence Book Library, 96*. Truy cập từ <https://digitalcommons.georgiasouthern.edu/ct2-library/96>.
- Nguyễn, L. N. (2023a). Thực trạng quản lý hoạt động giáo dục địa phương cho học sinh các trường trung học cơ sở huyện Hoà Bình, tỉnh Bạc Liêu. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp, 12(03S), 268-279*. <http://doi.org/10.52714/dthu.12.03S.2023.1167>.
- Nguyễn, N. B. T. (2023b). Quản lý hoạt động giáo dục địa phương cho học sinh các trường tiểu học ở Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh đáp ứng yêu cầu đổi mới Chương trình Giáo dục phổ thông 2018. *Tạp chí Thiết bị Giáo dục, số 298, tháng 10, 145-147*.
- Noor, A. F., & Sugito, S. (2019). Multicultural education based in local wisdom of Indonesia for elementary schools in the 21<sup>st</sup> century. *Journal of International Social Studies, 9(2), 94-106*.